

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2013/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề
trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề
trọng điểm cấp độ quốc gia**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia.

Thông tư này áp dụng cho trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề lựa chọn giảng dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (sau đây gọi là các trường) và các cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình dạy nghề* thể hiện mục tiêu dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; đáp ứng yêu cầu kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề; thể hiện được phạm vi, cấu trúc, nội dung, phương pháp, hình thức giảng dạy, cách thức đánh giá kết quả học tập đối với mỗi mô đun, môn học và cả quá trình giảng dạy (sau đây gọi là chương trình).

2. *Giáo trình dạy nghề* cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của mỗi môn học, mô đun trong chương trình; học sinh, sinh viên dựa vào đó có thể học tập, nghiên cứu, thực hành để có được kiến thức, kỹ năng cần thiết được xác định trong chương trình đào tạo (sau đây gọi là giáo trình).

3. *Bộ đề thi tốt nghiệp* là tập hợp đề thi lý thuyết và đề thi thực hành; trong đó mỗi đề thi là những câu hỏi và những yêu cầu thực hiện công việc để có thể đánh giá được những kiến thức, kỹ năng của học sinh, sinh viên đã được học tập theo chương trình dạy nghề của từng nghề, từng trình độ tương ứng.

4. *Nghề trọng điểm cấp độ quốc gia* là nghề được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn, phê duyệt trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành, địa phương.

Điều 3. Mục đích xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia

1. Chương trình, giáo trình dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia được xây dựng, biên soạn, ban hành để thống nhất trong việc giảng dạy, học tập của các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề được lựa chọn nghề trọng điểm cấp độ quốc gia.

2. Chương trình, giáo trình dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia được quyền bán, cho thuê, cho mượn theo quy định của pháp luật.

Chương II**CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ****Mục 1****YÊU CẦU, NỘI DUNG, CẤU TRÚC VÀ THỜI GIAN****Điều 4. Yêu cầu xây dựng chương trình**

1. Bảo đảm mục tiêu dạy nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Luật Dạy nghề năm 2006 (Luật số 76/2006/QH11, ngày 29/11/2006).

2. Tên nghề phải trùng với tên nghề đã được quy định ở Danh mục nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

3. Kiến thức, kỹ năng được xây dựng theo mục tiêu đào tạo và các quy định trong chương trình khung; theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia hoặc chuẩn kiến thức, kỹ năng được xác định trên cơ sở phân tích nghề, phân tích công việc của nghề tương ứng.

4. Xác định nội dung theo mục, tiểu mục, tiểu tiểu mục hoặc tiêu đề, tiểu tiêu đề, tiểu tiểu tiêu đề cần phải có trong quá trình giảng dạy.

5. Thể hiện hình thức giảng dạy là lý thuyết, thực hành hay tích hợp (giữa lý thuyết và thực hành) thì thời gian giảng dạy của các nội dung thể hiện những kỹ năng thành phần theo các mục, tiểu mục, tiểu tiểu mục hoặc tiêu đề, tiểu tiêu đề, tiểu tiểu tiêu đề, nếu có thể phân chia được.

6. Bảo đảm tính khoa học, hệ thống, thực tiễn và linh hoạt nhằm đáp ứng sự thay đổi của khoa học, kỹ thuật và thị trường lao động.

7. Phân bố hợp lý thời gian giữa kiến thức, kỹ năng nghề và trình tự thực hiện các môn học, mô đun để thực hiện mục tiêu dạy nghề.

8. Bảo đảm tính liên thông giữa các trình độ dạy nghề, đồng thời có tính đến liên thông với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

9. Tiếp cận với trình độ dạy nghề tiên tiến của khu vực và thế giới.

Điều 5. Nội dung, cấu trúc chương trình

1. Nội dung chương trình được quy định như sau:

a) Thời gian khóa học;

b) Cơ cấu, số lượng, thời lượng mô đun, môn học;

c) Phân bố thời gian giữa lý thuyết và thực hành các mô đun, môn học;

d) Phân bố thời gian giữa lý thuyết và thực hành của bài/chương trong mô đun/môn học; tiêu đề, tiểu tiêu đề/mục, tiểu mục trong bài/chương.

2. Cấu trúc chương trình được quy định như sau:

a) Thông tin chung (tên nghề, mã nghề, trình độ đào tạo, đối tượng tuyển sinh; số lượng mô đun, môn học; số lượng đề thi tốt nghiệp; bằng cấp sau khi tốt nghiệp);

b) Mục tiêu đào tạo;

c) Thời gian của khóa học và thời gian thực học;

d) Danh mục mô đun, môn học, thời gian, phân bố thời gian;

đ) Chương trình của từng mô đun, môn học (gồm có: vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung, bài/chương, tiêu đề, tiểu tiêu đề/mục, tiểu mục, điều kiện thực hiện; phương pháp, nội dung đánh giá; hướng dẫn sử dụng);

- e) Bộ đề thi tốt nghiệp;
- g) Hướng dẫn sử dụng chương trình.

Điều 6. Thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong chương trình

1. Thời gian khóa học bao gồm thời gian học tập và thời gian cho các hoạt động chung

a) Thời gian học tập bao gồm: thời gian thực học và thời gian kiểm tra hết môn học, mô đun, ôn và thi tốt nghiệp. Trong đó, thời gian thực học là thời gian học sinh, sinh viên nghe giảng trên lớp, thời gian học thực hành hoặc học theo phương pháp tích hợp giữa lý thuyết và thực hành tại nơi thực hành; thời gian thực học được tính bằng giờ;

b) Thời gian cho các hoạt động chung bao gồm: thời gian khai giảng, bế giảng, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học; thời gian nghỉ hè, nghỉ lễ, tết, lao động và dự phòng.

2. Đơn vị thời gian

a) Thời gian khóa học được tính theo năm học và tuần;

b) Một giờ chuẩn học thực hành là 60 phút; một giờ chuẩn học lý thuyết là 45 phút; một giờ chuẩn học tích hợp là 45 phút;

c) Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ chuẩn; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ chuẩn;

d) Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

Điều 7. Thời gian và phân bổ thời gian của khóa học

1. Đối với trình độ trung cấp nghề

a) Thời gian của khóa học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông được thực hiện từ một đến hai năm học tùy theo nghề đào tạo; đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở bao gồm thời gian học chương trình trung cấp nghề như đối tượng có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và thời gian học chương trình văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phân bổ thời gian khóa học gồm thời gian học tập và thời gian cho các hoạt động chung; thời gian học tập gồm thời gian thực học và thời gian ôn, kiểm tra kết thúc mô đun/môn học và thi tốt nghiệp đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; đối với người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở phân bổ thời gian như đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và bổ sung thêm thời gian học chương trình văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; phân bổ thời gian được quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phân bổ thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các mô đun, môn học đào tạo nghề: lý thuyết chiếm 15% - 30%, thực hành chiếm 70% - 85%.

2. Đối với trình độ cao đẳng nghề

a) Thời gian của khóa học được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

b) Phân bổ thời gian khóa học gồm thời gian học tập và thời gian cho các hoạt động chung; thời gian học tập gồm thời gian thực học và thời gian ôn, kiểm tra kết thúc mô đun/môn học và thi tốt nghiệp; phân bổ thời gian được quy định tại Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phân bổ thời gian giữa lý thuyết và thực hành trong các mô đun, môn học đào tạo nghề: lý thuyết chiếm 25% - 35%; thực hành chiếm 65% - 75%.

Điều 8. Bộ đề thi tốt nghiệp

1. Nguyên tắc biên soạn bộ đề thi tốt nghiệp

a) Tuân thủ Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH, ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Bộ đề thi tốt nghiệp phải đáp ứng được việc đánh giá, phân loại trình độ kiến thức, kỹ năng của người học nghề đã tích lũy trong quá trình học tập và rèn luyện, phản ánh đúng thực chất trình độ kiến thức, kỹ năng của học sinh, sinh viên sau khi kết thúc khóa học;

c) Khi biên soạn bộ đề thi tốt nghiệp phải phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp để tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề, bám sát nhu cầu sử dụng người lao động qua đào tạo nghề;

d) Bảo đảm tính khoa học, tính hệ thống, tính thực tiễn, lô gíc và linh hoạt nhằm đáp ứng sự thay đổi của kỹ thuật công nghệ, của thị trường lao động;

đ) Phân bổ hợp lý thời gian giữa các kiến thức, kỹ năng nghề và trình tự thực hiện theo từng loại đề thi.

e) Nội dung câu hỏi trong từng đề thi phải đảm bảo chuẩn xác, rõ ràng tránh gây hiểu nhầm; sử dụng thuật ngữ phổ biến, nhất quán trong toàn bộ đề thi và đáp án; hình vẽ, bản vẽ phải rõ ràng, ghi đủ thông số kỹ thuật.

2. Nội dung bộ đề thi tốt nghiệp

a) Nội dung bộ đề thi được lựa chọn là những kiến thức, kỹ năng cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu của nghề trong chương trình dạy nghề;

b) Bộ đề thi tốt nghiệp của mỗi nghề theo từng trình độ đào tạo có tối thiểu 50 đề thi lý thuyết, 50 đề thi thực hành; mỗi đề thi lý thuyết có từ 3 đến 5 câu hỏi tùy theo đặc trưng của nghề và thuộc từ 3 đến 5 mô đun/môn học đào tạo nghề trong chương trình dạy nghề; mỗi đề thi thực hành cần xác định rõ những kỹ năng cần thiết, cơ bản, cốt lõi và nâng cao của nghề để đánh giá được năng lực thực hành của học sinh, sinh viên tùy theo đặc trưng của nghề và thuộc từ 3 đến 5 mô đun đào tạo nghề trong chương trình dạy nghề.